TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2018/DS-PT
Ngày: 03/4/2018
Về việc "Tranh chấp chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: **Bà Phan Thị Tú Oanh**

Các Thẩm phán : 1/ **Ông Lưu Ngọc Thạch**

2/ **Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Thọ** - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Ông Phan Văn Kiền** - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa vào ngày 28 tháng 03 năm 2018 và ngày 03 tháng 04 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/DSPT ngày 4 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 360/2017/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận Q bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2999/2017/QĐPT-DS ngày 12 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1942 (Đã chết vào ngày 06/03/2017 theo giấy chứng tử số 17/2017 ngày 06/3/2017).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ T3 tụng của bà Nguyễn Thị H gồm:

Ông Nguyễn Thành T, sinh năm:1973 (Đã chết vào ngày 08/8/2017 theo giấy chứng tử số 623 ngày 10/8/2017).

1.1 Bà Nguyễn Thị Xuân Tr, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

1.2 Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1966 (vắng mặt)

1.3 Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

1.4 Bà Nguyễn Thị Ánh Ng, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

1.5 Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1974 (có mặt)

Cùng địa chỉ: D/3D tổ X ấp 4, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng có ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1974

Theo văn bản ủy quyền ngày 15/4/2017 lập tại Văn phòng công chứng Việt An.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1944 (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1946 (có mặt)

4. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm: 1948 (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà A, đường D, Phường M, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà L, ông B, bà N1, bà T1 có ông Dương Mạnh H, sinh năm:1974 (có mặt)

Theo giấy ủy quyền ngày 26/06/2015.

Địa chỉ: số nhà 148 Đề Thám, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà A, D, Phường M, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H, sinh năm:1967 (có mặt)

Theo giấy ủy quyền ngày 20/07/2015.

Địa chỉ: K, Phường P, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm:1962 (vắng mặt)

2. Bà Đinh Thị Minh A, sinh năm:1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số nhà B đường T, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm:1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Z, đường T, Phường 5, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm:1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà A/2A đường D, Phường M, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H, sinh năm:1967 (có mặt)

Theo giấy ủy quyền ngày 20/07/2015.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 12/03/2015, các nguyên đơn trình bày: ông Nguyễn Văn T4 và bà Trần Thị Q có 8 người con gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị T3. Ông bà đã tạo lập được phần diện tích đất 9.246 m^2 thuộc thửa 109,113,117 tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường P1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00377QSDĐ/382 QĐ-01/2001 ngày 13/06/2001 đứng tên ông Nguyễn Văn T4, bà Trần Thị Q. Ông T4 (chết năm 1996), bà Q (chết năm 2002) không để lại di chúc, các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị T3 thống nhất ủy quyền lại cho ông Nguyễn Tấn P được thay mặt làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và nhận tiền chuyển nhượng rồi chia lại các đồng thừa kế theo giấy ủy quyền số 259 ngày 29/02/2008 lập tại Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 8. Sau khi lập giấy ủy quyền ông P tự chuyển nhượng toàn bộ phần diện tích đất 9.246 m^2 cho bà Nguyễn Thị Thu Th với số tiền 6.512.170.000 (Sáu tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001. Thực hiện hợp đồng bà Th chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 (Bốn tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nhìn) đồng (Kèm theo bản sao kê Ngân Hàng Vibank ngày 21/02/2008) và

ngày 26/11/2008 bà Th chuyển tiếp cho ông P số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng (Kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008). Tổng cộng số tiền ông P đã nhận số tiền 6.512.170.000 (Sáu tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng. Nhưng ông P chỉ chia mỗi người số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, không chia tiếp cho các đồng thừa kế. Nay các nguyên đơn yêu cầu ông P chia tài sản chung, giao tiếp cho các nguyên đơn mỗi người được hưởng số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn P có người đại diện theo ủy quyền ông Phan Thanh H trình bày: xác định về mối quan hệ gia đình và phần diện tích đất 9.246 m^2 thuộc thửa 109,113,117, tờ bản đồ số 04, toạ lạc tại phường P1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha, mẹ ông là ông Nguyễn Văn T4 và bà Trần Thị Q như lời trình bày phía nguyên đơn là đúng. Nhưng ông P cho rằng phần đất này nằm trong dự án giải tỏa và sau khi ông T4, bà Q chết thì đến ngày 06/03/2008 Ủy ban nhân dân Quận B đã ban hành Quyết định số 32 về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại tái định cư đối với các đồng thừa kế của hộ bà Trần Thị Q phần diện tích đất 9.246 m^2 thuộc thửa 109,113,117 tờ bản đồ số 04 toạ lạc tại phường P1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B thoả thuận đền bù cho các đồng thừa kế hộ bà Trần Thị Q số tiền 2.815.975.070 (Hai tỷ tám trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi) đồng và 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển theo Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất đối với các đồng thừa kế của bà Trần Thị Q để bàn giao đất cho trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường P1, Quận B. Ngày 29/6/2009 Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thực hiện Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 29/4/2008 của Ủy ban nhân dân Quận B về việc giải tỏa di dời nhà, vật kiến trúc và thu hồi phần đất đối với các đồng thừa kế của bà Trần Thị Q để bàn giao đất cho

trường Đại học Cảnh sát Nhân dân thực hiện dự án xây dựng trường học tại phường P1, Quận B. Cùng biên bản bàn giao mặt bằng số 05/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân Quận B ngày 24/9/2014, biên bản bàn giao mặt bằng số 06/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân Quận B ngày 24/9/2014, biên bản bàn giao mặt bằng số 06/BBBGMB-BT Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân Quận B ngày 24/9/2014. Nên ngày 19/12/2014 các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị T3 đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng Bến Nghé cho ông P được nhận quyền thừa kế mà mình được hưởng và đồng ý nhận toàn bộ quyền thừa kế do những đồng thừa kế tặng cho đối với di sản thừa kế là số tiền 2.815.975.070 (Hai tỷ tám trăm mười lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi) đồng và 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển do ông Nguyễn Văn T4, bà Trần Thị Q chết để lại nhưng ông P cũng đã chia cho các đồng thừa kế mỗi người số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Đối với 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển, thì các đồng thừa kế đã thỏa thuận phân chia di sản cho ông P nên ông P được toàn quyền chuyển nhượng 02 nền đất trên cho bà Nguyễn Thị Thu Th với số tiền 4.512.170.000 (Bốn tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng (Kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008). Hiện bà Th đã nhận 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển và hai bên cũng không có tranh chấp gì trong vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Nh có ông Phan Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Thống nhất lời trình bày ông P, bà Nh không đồng ý chia tài sản chung của số tiền 6.512.170.000 (Sáu tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Theo bản tự khai ngày 27/07/2015 và đơn yêu cầu độc lập ngày 30/07/2015 bà Nguyễn Thị T3 trình bày: Thống nhất ý kiến với phía nguyên đơn. Bà T3 yêu cầu ông P đưa thêm số tiền được hưởng 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng và bà T3 xin vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không thắc mắc khiếu nại gì.

Theo bản tự khai ngày 02/07/2015 và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 02/07/2015 bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày: phần diện tích đất 9.246 m^2 thuộc thửa 117,113,109, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường P1, Quận B thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Văn T4. Sau khi ông T4, bà Q chết thì các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị T3 có lập giấy ủy quyền số 259 ngày 29/02/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận Q với nội dung ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn P được thay mặt làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và nhận số tiền chuyển nhượng về chia lại cho các đồng thừa kế. Căn cứ vào nội D1 ủy quyền ông P đã chuyển nhượng phần diện tích đất 9.246 m^2 thuộc thửa 117,113,109, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại phường P1, Quận B, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng ngày 20/07/2001 với giá số tiền 6.512.170.000 đồng (Sáu tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng. Sau đó phần diện tích đất trên được đền bù thì bà Th cũng được nhận 02 nền đất tái định cư số 01 lô E và số 09 lô X tại khu định cư Phước Kiển. Bà Th thừa nhận đã chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 (Bốn tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng vào đợt 01 (Kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008) và đợt 02 số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng (Kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008) và ông P cũng đã nhận đủ tiền. Do đó việc tranh chấp tài sản chung giữa các bên không liên quan nên bà Th xin được vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không thắc mắc khiếu nại gì.

Theo bản tự khai ngày 31/07/2015 và đơn xin vắng mặt ngày 31/07/2015 bà Đinh Thị Minh A trình bày: Ngày 20/07/2011 bà Minh A thay mặt mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Thu Th ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng với

ông P. Bà Minh A thừa nhận hợp đồng có sai sót do lỗi đánh máy nên hợp đồng ghi nhầm ngày 20/07/2001 nhưng thực chất hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng với mục đích xác nhận ông P đã nhận đủ số tiền 6.512.170.000 (Sáu tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng của bà Nguyễn Thị Thu Th và bà Th đã chuyển cho ông P số tiền 4.512.170.000 (Bốn tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng (Kèm theo bản sao kê Ngân hàng Vibank ngày 21/02/2008) và số tiền 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng (Kèm theo Sec của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn ngày 26/11/2008). Nay bà Minh A xác nhận mọi giao dịch chuyển nhượng đất và nhận tiền là giữa ông P và bà Th. Do đó việc tranh chấp tài sản chung giữa các bên không liên quan nên bà Minh A xin được vắng mặt các buổi hòa giải, xét xử cam kết không thắc mắc khiếu nại gì.

Tại bản án sơ thẩm số: 360/2017/DS-ST ngày 25/8/2017 của Toà án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ T3 tụng của bà H gồm bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Nguyễn Văn N.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T3.

Công nhận phần diện tích đất 9.246 m^2 thuộc thửa 109,113,117 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường P1, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của ông Nguyễn Văn T4 và bà Trần Thị Q. Tài sản chung có giá trị số tiền 6.512.170.000 (Sáu tỷ năm trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T4 và bà Trần Thị Q gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị T3 được chia tài sản chung và mỗi người được hưởng 1/8 kỷ phần, giá trị mỗi kỷ phần tương ứng với số tiền 818.000.000 (Tám trăm mười tám triệu) đồng. Nhưng bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị

N1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T3 mỗi người đã nhận số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Tổng cộng số tiền đã nhận 2.400.000.000 (Hai tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Xác định giá trị còn lại số tiền là 4.112.170.000 (Bốn tỷ một trăm mười hai triệu một trăm bảy mươi nghìn) đồng được phân chia như sau:

Bà Nguyễn Thị L được hưởng số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng. Ông Nguyễn Văn B được hưởng số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị N1 được hưởng số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị T1 được hưởng số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị H có người kế thừa quyền và nghĩa vụ T3 tụng gồm bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Nguyễn Văn Năm liên đới được hưởng số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị T3 được hưởng số tiền 414.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Nh được hưởng số tiền 818.000.000 (Tám trăm mười tám triệu) đồng. Ông Nguyễn Tấn P được hưởng số tiền 818.000.000 (Tám trăm mười tám) đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho bà L, bà N1, bà T1, ông B, bà T3, bà Nh số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng.

Ông Nguyễn Tấn P có trách nhiệm giao cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ T3 tụng của bà H gồm bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Nguyễn Văn Năm liên đới được nhận số tiền 414.000.000 (Bốn trăm mười bốn triệu) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận Q để đảm bảo thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án thì hủy bỏ.

Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị T1 được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp vào tài khoản phong tỏa số 1702205200794 của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi Nhánh 8, Thành phố

Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 925 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2015/QĐ-BPBĐ ngày 02/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận Q.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/9/2017, ông Nguyễn Tấn P kháng cáo bản án số 360/2017/DS-ST ngày 25/8/2017 của Toà án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCCTT ngày 10/12/2015.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng có ông Nguyễn Văn N yêu cầu y án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, có ông Dương Mạnh H yêu cầu y án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Nh, có ông Phan Thanh H không có ý kiến gì và không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về T3 tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Sửa bản án dân sự số 360/2017/DSST ngày 25/08/2017 của Tòa án nhân dân Quận Q. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn P .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P trong hạn luật định, Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Minh A, bà Nguyễn Thị Thu Th có đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt nên Toà án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bà Nguyễn Thị T3 vắng mặt mặc dù Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Toà án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – ông Nguyễn Tấn P: yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCCTT ngày 10/12/2015.

- Xét văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng Bến Nghé ngày 19/12/2014 (bút lục số 218-224) các đồng thừa kế gồm bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị T3 đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng Bến Nghé (bút lục số 218-224) với nội dung tặng cho toàn bộ quyền thừa kế mà mình được hưởng đối với di sản của ông Nguyễn Văn T4 và bà Trần Thị Q chết để lại cho ông Nguyễn Tấn P và ông Nguyễn Tấn P đồng ý nhận. Văn bản đã được công chứng hợp lệ thể hiện ý chí của các đồng thừa kế thỏa thuận được việc phân chia di sản, nên có hiệu lực pháp luật. Sau đó các đương sự có tranh chấp và được chính quyền địa phương hòa giải tại biên bản hòa giải ngày 19/12/2014. Tuy nhiên, qua hòa giải, các bên không đạt được thỏa thuận nên biên bản hòa giải không được xem là sự thỏa thuận cuối cùng giữa các đương sự, mà chính Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 19/12/2014 là sự thỏa thuận

cuối cùng và có hiệu lực pháp luật theo nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận quy định tại Điều 4 Bộ luật dân sự 2005 và cam kết, thỏa thuận hợp pháp có hiệu lực bắt buộc đối với các bên và phải được cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác tôn trọng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận năm 2008 ông P có chia cho mỗi đồng thừa kế số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng từ thời điểm được chia, các đồng thừa kế không ai tranh chấp số tiền đã nhận. Ngày 19/12/2014 các đồng thừa kế của ông T và bà Q đã ký tiếp Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 19/12/2014 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé là phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Nguyễn Văn N mà không xem xét đến thỏa thuận đã được công chứng hợp lệ tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản lập ngày 19/12/2014 tại Văn phòng công chứng Bến Nghé là không cơ sở và không đúng quy định của pháp luật.

[3] Phía đại diện bị đơn chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[4] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm là không cơ sở.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm. Như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí .

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1 ,bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 49.121.700 (Bốn mươi chín triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm) đồng theo biên lai số 04432 ngày 23/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T3, số tiền tạm ứng án phí 10.280.000 (Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai số AD/2014/0000010 ngày 03/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông P được chấp nhận, hoàn trả cho ông P 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông P đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0013180 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày ngày 01/01/2017.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P.

2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 360/2017/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Nh, bà Nguyễn Thị T3 về việc chia tài sản chung.

2.2. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2015/QĐ-BPKCTT ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận Q.

Ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật bà Nguyễn Thị T1 được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp vào tài khoản phong tỏa số 1702205200794 của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi Nhánh 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: 925 Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận Q,

Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 11/2015/QĐ-BPBĐ ngày 02/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận Q.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1 và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H gồm bà Nguyễn Thị Xuân Tr, ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị D1, bà Nguyễn Thị Ánh Ng, ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị T1 ,bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 49.121.700 (Bốn mươi chín triệu một trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm) đồng theo biên lai số 04432 ngày 23/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T3, số tiền tạm ứng án phí 10.280.000 (Mười triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai số AD/2014/0000010 ngày 03/8/2015 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).Hoàn trả cho ông P 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí kháng cáo ông P đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0013180 ngày 08/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận Q.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Thạch **Nguyễn Thị Ngọc Hoa** **Phan Thị Tú Oanh**